

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYỀN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/DS-ST  
Ngày 30-10-2023  
V/v tranh chấp chia tài sản chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Nhẫn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 và ngày 30-10-2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2023/TLST-DS ngày 23-6-2023 về việc tranh chấp chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2023/QĐXXST-DS 30-8-2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Dương S, sinh năm 1948; địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 24 Tỉnh lộ 940 ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Lý B - Văn phòng Luật sư Lý B, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**- Bị đơn:**

+ Ông Dương Sâm B1, sinh năm 1961; địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 15 ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Bà Dương Thị Xa B2, sinh năm 1957; địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 43 ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Bà Dương Thị E, sinh năm 1949; địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 36 ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Bà Dương Thị Xam B3, sinh năm 1963; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Dương Kha L, sinh năm 1953; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Dương Kha L:*

Luật sư Lý B - Văn phòng Luật sư Lý B, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Luật sư Võ Tuấn H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo Quyết định trợ giúp pháp lý số 236/QĐ-TGPL ngày 21-7-2023 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Anh Dương Văn M, sinh năm 1991; địa chỉ nơi cư trú: Nhà số 53 ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Dương Văn M: Luật sư Lý B - Văn phòng Luật sư Lý B, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Ấp Hoà Phương, xã Hoà Tú 1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Anh Dương Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Chị Dương Thị M, sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú: Ấp Phú Trung, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

+ Chị Dương Thị Si M2, sinh năm 1999; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Chị Dương Thị Si N, sinh năm 2001; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Chị Dương Thị Si M3, sinh năm 2003; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh/chị Dương Văn T, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3:* Anh Dương Văn M, sinh năm 1991; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện hợp pháp theo văn bản uỷ quyền ngày 01-8-2023. (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-5-2023, biên bản hoà giải ngày 02-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Dương S trình bày cho rằng cha ông tên Dương X (sinh năm 1920 – chết năm 2002) và mẹ tên Thái Thị X2 (sinh năm 1922 – chết năm 2002 nhưng khai tử ghi ngày 15-3-2007). Cụ X và cụ X2 có tất cả 07 người con gồm Dương S, Dương Thị E, Dương Kha L, Dương Thị Xa B2, Dương Sam B4 (chết năm 2021 – có vợ tên Thạch Thị S3 {chết năm 2005} và có 06 người con gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3), Dương Sam B1 và Dương Thị Xam B3. Sinh thời Cụ X và cụ X2 có chung phần đất chiều ngang 6,5m x dài hết hậu 100m, tọa lạc ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc

và cũng không có nghĩa vụ tài sản với ai. Đến năm 2022, các anh em ông thống nhất sẽ chuyển nhượng phần đất này lấy tiền, để dễ chuyển nhượng thì các anh em ông thống nhất làm thủ tục cho ông Dương Sâm B1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi ông B1 đứng tên quyền sử dụng đất thì đứng ra chuyển nhượng đất cho người thứ 3 được số tiền khoảng 650.000.000 đồng, trừ chi phí thủ tục thì ông thống nhất xác định còn lại số tiền 600.000.000 đồng. Nhưng ông B không chia đều số tiền chuyển nhượng đất 600.000.000 đồng trên thành 07 phần cho 07 anh chị em mà chỉ chia thành 04 phần cho 04 người là ông B1, bà Xa B2, bà E và bà Xam B3 mỗi người 150.000.000 đồng, còn lại 03 người không được chia là ông, ông Kha L và ông Sam B4. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông B1, bà Xa B2, bà E và bà Xam B3 phải chia số tiền 600.000.000 đồng trên thành 07 phần cho 07 thừa kế của Cụ X và cụ X2 gồm Dương S, Dương Thị E, Dương Kha L, Dương Thị Xa B2, Dương Sam B4 (chết có 06 người con gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3), Dương Sam B1 và Dương Thị Xam B3.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-7-2023, biên bản hoà giải ngày 02-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Dương Sâm B1 trình bày ông thống nhất như ông Dương S trình bày về thông tin cha mẹ là cụ Dương X (sinh năm 1920 – chết năm 2002) và cụ Thái Thị X2 (sinh năm 1922 – chết năm 2002); cụ Xê, cụ X2 có tất cả 07 người con và có chung một phần đất chiều ngang 6,5m x dài hết hậu 100m toạ lạc ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai cụ chết không để lại di chúc và cũng không có nghĩa vụ tài sản với ai. Tuy nhiên, sinh thời cha mẹ ông vốn có nguyện vọng để đất lại cho con gái út tên Dương Thị Xam B3 (chỉ nói miệng không có làm văn bản), nhưng do bà Xam B3 đi Campuchia sinh sống nên đến năm 2022, các anh em ông thống nhất làm thủ tục để ông đứng tên quyền sử dụng đất này. Sau đó bà Xam B3 ở Campuchia về nước chuyển nhượng phần đất này đi được số tiền 600.000.000 đồng và đứng ra chia cho 04 người là ông, bà Xa B2, bà E, bà B3 mỗi người 150.000.000 đồng, nhưng do ông đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông trực tiếp ký giấy tờ với bên nhận chuyển nhượng đất; còn lý do không chia cho Dương S, ông Kha L là ông nghe bà Xam B3 nói là Dương S, ông Kha L không nhận mà cho lại bà Xam B3 rồi. Nay số tiền 150.000.000 đồng ông được chia thì ông đã chi xài hết, không có để chia lại cho 07 anh chị em như Dương S yêu cầu, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Dương S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-7-2023, biên bản hoà giải ngày 02-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà Dương Thị Xa B2 trình bày bà thống nhất như ông Dương S, ông Sâm B1 đã trình bày về thông tin cha mẹ là cụ Dương X, cụ Thái Thị X2; sinh thời cha mẹ bà vốn có nguyện vọng để phần đất ở ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng lại cho con gái út tên Dương Thị Xam B3 (chỉ nói miệng không có làm văn bản), nhưng do bà Xam B3 đi Campuchia sinh sống nên đến năm 2022, các anh em bà thống nhất làm thủ tục để ông Sâm B1 đứng tên quyền sử dụng đất này. Sau đó bà Xam B3 ở Campuchia về nước đứng ra chuyển nhượng được số tiền 600.000.000 đồng và chia cho 04

người là bà, ông Sâm B1, bà E, bà Bát mỗi người 150.000.000 đồng, do ông Sâm B1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông B1 trực tiếp ký giấy tờ với bên nhận chuyển nhượng; còn lý do không chia tiền này cho Dương S, ông Kha L là bà nghe bà Bát nói là Dương S, ông Kha L không lấy mà cho lại bà Xam B3. Nay số tiền 150.000.000 đồng bà được chia này thì bà đã chi xài hết, không có để chia lại cho 7 anh chị em, nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Dương S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-7-2023, biên bản hoà giải ngày 02-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà Dương Thị E trình bày bà thống nhất như ông Dương S, ông Sâm B1 đã trình bày về thông tin cha mẹ là cụ Dương X, cụ Thái Thị X2; sinh thời cha mẹ bà vốn có nguyện vọng để đất ở ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng lại cho con gái út tên Dương Thị Xam B3 (chỉ nói miệng không có làm văn bản), nhưng do bà Bát đi Campuchia sinh sống nên đến năm 2022, các anh em bà thống nhất làm thủ tục để ông Sâm B1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau đó bà Xam B3 về nước đứng ra chuyển nhượng đất được số tiền 600.000.000 đồng và chia cho 04 người là bà, ông Sâm B1, bà Xa B2, bà Bát mỗi người 150.000.000 đồng, do ông Sâm B1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông B1 trực tiếp đứng ra ký giấy tờ với bên nhận chuyển nhượng; sau khi bà được chia số tiền 150.000.000 đồng thì bà có cho lại ông Dương Kha L số tiền 10.000.000 đồng; còn lý do không chia tiền chuyển nhượng đất này cho Dương S, ông Kha L là bà nghe bà Xam B3 nói là Dương S, ông Kha L không lấy mà cho lại bà Xam B3. Nay số tiền 150.000.000 đồng được chia này thì bà đã chi xài hết, không có để chia lại cho 7 anh chị em, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Dương S.

Bị đơn bà Dương Thị Xam B3 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-6-2023, biên bản hoà giải ngày 02-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Kha L trình bày ông thống nhất như ông Dương S, ông Sâm B1 đã trình bày về thông tin cha mẹ là cụ Dương X, cụ Thái Thị X2; cha mẹ ông chết không để lại di chúc nên đến năm 2022, các anh em ông thống nhất sẽ chuyển nhượng phần đất này đi, để dễ chuyển nhượng thì các anh em ông thống nhất làm thủ tục cho ông Sâm B1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau đó ông Sâm B1 chuyển nhượng đất này được số tiền cụ thể là bao nhiêu ông không biết, nay ông thống nhất xác định là 600.000.000 đồng. Nhưng sau khi ông Sâm B1 chuyển nhượng đất này xong thì không chia đều số tiền 600.000.000 đồng thành 07 phần cho 07 anh em mà chỉ chia cho 04 người là ông B1, bà Xa B2, bà E và bà Xam B3 mỗi người 150.000.000 đồng, còn lại 03 người không được chia là ông, Dương S và ông Sam B4. Nay ông đồng ý việc chia số tiền 600.000.000 đồng trên thành 07 phần cho 07 thừa kế của Cụ X và cụ X2 gồm Dương S, Dương Thị E, Dương Kha L, Dương Thị Xa B2, Dương Sam B4 (chết có 06 người con gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3), Dương Sam B1 và Dương Thị Xam B3; ông có từng được bà E cho số

tiền 10.000.000 đồng, nay ông đồng ý tự nguyện trừ lại số tiền này vào số tiền mà ông sẽ được chia.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-6-2023, biên bản hoà giải ngày 02-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn M (đồng thời là người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh/chị Dương Văn T, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3) trình bày anh thống nhất như ông Dương S, ông Sâm B1 đã trình bày về thông tin của cụ Dương X, cụ Thái Thị X2. Ông Dương Sâm B4 là con ruột của Cụ X và cụ X2; ông Sâm B4 đã chết ngày 9-02-2022 cũng không để lại di chúc, có vợ tên Thạch Thị Sa (chết năm 2005) và có 06 người con tên Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3. Sau khi cha ruột của anh chết thì các anh chị em của anh hoàn toàn không biết việc năm 2022 các bác, cô, chú của anh là Dương S, Dương Thị E, Dương Kha L, Dương Thị Xa B2, Dương Sâm B1 và Dương Thị Xam B3 thống nhất làm thủ tục cho ông Sâm B1 đứng tên quyền sử dụng đất phần đất mà ông bà nội anh để lại. Sau đó thì anh có biết việc ông Sâm B1 chuyển nhượng phần đất này nhưng được số tiền cụ thể là bao nhiêu thì anh không biết, nay anh thống nhất xác định là 600.000.000 đồng. Nhưng ông B1 chuyển nhượng đất xong thì không chia đều tiền chuyển nhượng đất trên thành 07 phần cho 07 thừa kế của cụ Xê, cụ X2 mà chỉ chia cho 04 người là ông B1, bà Xa B2, bà E và bà Xam B3 mỗi người 150.000.000 đồng, còn lại 03 người không được chia là Dương S, ông Kha L và cha của anh. Nay anh đại diện các anh chị em của anh đồng ý việc chia số tiền 600.000.000 đồng trên thành 07 phần cho 07 thừa kế của Cụ X và cụ X2, phần của cha ruột anh là ông Dương Sâm B4 được chia thì giao lại cho các anh chị em của anh là Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3 do anh sẽ đại diện nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc các bị đơn chia đều số tiền 600.000.000 đồng thành 07 phần cho 07 thừa kế của cụ Xê, cụ X2; bị đơn ông Sâm B1, bà Xa B2, bà E trình bày số tiền 150.000.000 đồng các ông bà được chia đã chi xài hết không còn để chia theo yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn bà Xam B3 vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kha L, anh Mừng thống nhất như yêu cầu của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư Lý B bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Kha L, anh Dương Văn M trình bày các lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông B1, bà Xa B2, bà E, bà Xam B3 phải chia số tiền 600.000.000 đồng thành 07 phần cho 07 thừa kế của cụ Xê, cụ X2 là Dương S, ông Kha L, ông Sâm B4 (chết có 06 người con thừa kế), ông B1, bà Xa B2, bà E, bà Xam B3.

Luật sư Võ Tuấn H bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Kha L trình bày các lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử xác định chia tài sản chung số tiền 600.000.000 đồng thành 07 phần cho 07 người là Dương S, ông Kha L, ông Sam B4 (chết có 06 người con thừa kế), ông B1, bà Xa B2, bà E, bà Xam B3; ghi nhận sự tự nguyện của ông Kha L đồng ý trừ lại số tiền 10.000.000 đồng đã nhận trước đó từ bà E.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn Sâm B1, Xa B2, E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn bà Xam B3 vắng mặt không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là yêu cầu chia tài sản chung, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia tài sản chung số tiền 600.000.000 đồng thành 07 phần cho 07 thừa kế của cụ Xêm, cụ X2 gồm Dương S, ông Kha L, ông B1, bà Xa B2, bà E, bà Xam B3, ông Sam B4 (chết có người thừa kế là Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3); buộc các ông bà Sâm B1, Xa B2, E, Xam B3 mỗi người có nghĩa vụ giao lại số tiền phần mà Dương S, ông Kha L, ông Sam B4 được chia theo quy định pháp luật; ghi nhận sự tự nguyện của ông Kha L đồng ý trừ lại số tiền 10.000.000 đồng đã nhận từ bà E; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương S là tranh chấp dân sự về “*chia tài sản chung*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 219 Bộ luật Dân sự;

[2] Các đương sự trình bày bị đơn bà Dương Thị Xam B3 đang sinh sống tại Campuchia nhưng không ai liên lạc được và cung cấp được đúng địa chỉ hiện tại của bà Xam B3 tại Campuchia. Tại biên bản xác minh Công an xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên cung cấp thông tin bà Xam B3 có đăng ký cư trú tại ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện vắng mặt ở nơi cư trú; thông thường vài tháng bà Xam B3 sẽ về địa phương một lần, còn bà Xam B3 đi đâu, làm gì, địa chỉ cụ thể thì không trình báo nên không nắm. Tại Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an xã Thạnh Phú, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thể hiện bà Xam B3 có quốc tịch Việt Nam, đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại là ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 56). Tại công văn số 2447/QLXNC-P5 ngày 4-8-2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh xác định qua kiểm tra hiện chưa có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của bà Dương Thị Xam B3 (bút lục số 52). Xét thấy, qua Tòa án thu thập, xác minh thể hiện bà Xam B3 có quốc tịch Việt Nam và đăng ký

cư trú ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì đây là chỗ ở hợp pháp của bà theo quy định của Luật Cư trú, ngoài ra không xác định được địa chỉ hiện tại nào khác của bà B3; đồng thời, các bị đơn Dương Sâm B1, Dương Thị Xa B2, Dương Thị E đều cư trú ấp S, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Xam B3 được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Xam B3.

[4] Tất cả các đương sự đều thừa nhận cụ Dương X (sinh năm 1920, chết năm 2002) và cụ Thái Thị X2 (sinh năm 1922, chết năm 2002) có tất cả 07 người con chung gồm Dương S, Dương Thị E, Dương Kha L, Dương Thị Xa B2, Dương Sam B4 (chết năm 2022 – có vợ tên Thạch Thị Sa {chết năm 2005} và có 06 người con gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3), Dương Sam B1, Dương Thị Xam B3, ngoài ra không có con riêng khác; cha mẹ của cụ Xê, cụ X2 chết trước hai cụ rất lâu và không ai nhớ rõ năm chết; sinh thời cụ Xê, cụ X2 có tài sản chung là phần quyền sử dụng đất chiều ngang 6,5m x dài 100m thuộc thửa đất số 672, tờ bản đồ số 01, toạ lạc ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hai cụ chết không để lại di chúc, cũng không có nghĩa vụ tài sản với ai. Đến năm 2022, các thừa kế của hai cụ gồm các ông/bà Dương S, Dương Thị E, Dương Kha L, Dương Thị Xa B2, Dương Sam B1, Dương Thị Xam B3 thống nhất làm thủ tục cho ông Sâm B1 đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số 672 này để dễ chuyển nhượng cho người khác (qua Tòa án trích lục hồ sơ quyền sử dụng đất là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 425640 được điều chỉnh lại là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 313156). Sau khi được đứng tên quyền sử dụng đất trên, ông B1 trực tiếp làm thủ tục chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất này đi được số tiền 600.000.000 đồng và chia cho 04 người là ông B1, bà Xa B2, bà E và bà Xam B3 mỗi người 150.000.000 đồng, còn lại 03 người không được chia là Dương S, ông Kha L và ông Sam B4. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất xác định tranh chấp chia số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cụ Xê, cụ X2 diện tích chiều ngang 6,5m x dài 100m tại thửa đất số 672, tờ bản đồ số 01, toạ lạc ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là 600.000.000 đồng và không đặt ra yêu cầu về quyền sử dụng đất thửa đất số 672, tờ bản đồ số 01, toạ lạc ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũng như các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất số 672 trên; đồng thời bị đơn bà E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kha L thống nhất thừa nhận là ông Kha L có nhận từ bà E số tiền 10.000.000 đồng và ông Kha L tự nguyện đồng ý trừ lại số tiền 10.000.000 đồng vào số tiền mà ông Kha L sẽ được chia là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Dương S về việc chia số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 600.000.000 đồng thành 7 phần. Nhận thấy, như đã phân tích ở đoạn [4], [5] thì quyền sử dụng đất diện tích ngang 6,5m x dài 100m thuộc thửa đất số 672, tờ bản đồ số 01, toạ lạc ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của cụ Xê, cụ X2 chết để lại nhưng không có di chúc, sau đó các thừa kế của hai cụ thống nhất để cho ông Sâm B1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng đất đi được số tiền 600.000.000 đồng sẽ chia cho các anh chị em. Thì từ đây số tiền 600.000.000 đồng được xác định là tài sản chung theo phần của 07 thừa kế của cụ Xê, cụ X2 gồm Dương S, ông Kha L, ông B1, bà Xa B2, bà E, bà Xam B3, ông Sam B4 (mỗi phần 85.714.285 đồng {làm tròn thành 85.700.000 đồng}). Việc ông Sâm B1, bà Xa B2, bà E cho rằng thời điểm chia số tiền 600.000.000 đồng này thì Dương S, ông Kha L biết và từ chối nhận nhưng Dương S, ông Kha L không thừa nhận và ông Sâm B1, bà Xa B2, bà E không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sự việc như các ông bà trình bày trên. Vì vậy, Dương S khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 600.000.000 đồng trên thành 7 phần cho Dương S, ông Kha L, ông B1, bà Xa B2, bà E, bà Xam B3, ông Sam B4 mỗi người số tiền 85.700.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 219 Bộ luật Dân sự.

[7] Qua Toà án xác minh người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trình bày thoả thuận nhận chuyển nhượng đất và giao tiền chuyển nhượng đất trực tiếp cho ông Dương Sâm B1 có mặt các anh em ông Sâm B1 nhưng không có mặt Dương S và bà Xam B3. Như vậy, đủ cơ sở xác định ông Sâm B1 là người đứng ra chuyển nhượng diện tích đất ngang 6,5m x dài 100m thuộc thửa đất số 672 trên và nhận tiền chuyển nhượng đất, nhưng khi được giao quản lý số tiền chuyển nhượng đất này thì ông Sâm B1 đã đứng ra chia thành 04 phần cho 04 người là ông Sâm B1, bà Xam B3, bà Xa B2, bà E mỗi người 150.000.000 đồng mà không có ý kiến của 03 người còn lại là Dương S, ông Kha L, ông Sam B4 (có người thừa kế là Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3) là không đúng quy định về quyền sử dụng, định đoạt tài sản chung được quy định tại Điều 217, Điều 218 Bộ luật Dân sự; trong khi theo quy định pháp luật thì ông Sâm B1, bà Xam B3, bà Xa B2, bà E mỗi người chỉ được hưởng một phần với số tiền 85.700.000 đồng. Vì vậy, buộc ông Sâm B1, bà Xam B3, bà Xa B2, bà E mỗi người có nghĩa vụ giao lại cho Dương S, ông Kha L, ông Sam B4 (có người thừa kế là Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3) số tiền 64.300.000 đồng. Cụ thể, buộc ông Sâm B1 có nghĩa vụ giao cho ông Dương S 21.425.000 đồng, giao cho ông Kha L 21.425.000 đồng, giao cho các thừa kế của ông Sam B4 21.425.000 đồng. Buộc bà Xa B2 có nghĩa vụ giao cho Dương S 21.425.000 đồng, giao cho ông Kha L 21.425.000 đồng, giao cho các thừa kế của ông Sam B4 21.425.000 đồng. Buộc bà E có nghĩa vụ giao cho Dương S 21.425.000 đồng, giao cho ông Kha L 11.425.000 đồng (đã trừ lại số tiền 10.000.000 đồng ông Kha L nhận trước đó từ bà E), giao cho các thừa kế của ông Sam B4 21.425.000 đồng. Buộc bà Dương Thị Xam B3 có nghĩa vụ giao cho Dương S 21.425.000 đồng, giao cho ông Kha L 21.425.000 đồng, giao cho các thừa kế của ông Sam B4 21.425.000 đồng.



[8] Qua những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét đề nghị của những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trình bày tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Dương S, ông Kha L, ông B1 , bà Xa B2, bà E là người cao tuổi và tại phiên tòa có yêu cầu miễn án phí nên được Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn bà Xam B3 và các thừa kế của ông Sam B4 gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3 phải chịu án phí có giá ngạch tương đương với giá trị phần tài sản được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 216, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 220 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương S về việc chia tài sản chung là số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 600.000.000 đồng thành 07 phần cho ông Dương S, ông Dương Kha L, ông Dương Sâm B1, bà Dương Thị Xa B2, bà Dương Thị E, bà Dương Thị Xam B3, ông Dương Sam B4 (ông Bi đã chết năm 2022 có người thừa kế gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3):

Chia cho ông Dương S số tiền 85.700.000 đồng;

Chia cho ông Dương Kha L số tiền 85.700.000 đồng;

Chia cho ông Dương Sâm B1 số tiền 85.700.000 đồng;

Chia cho bà Dương Thị Xa B2 số tiền 85.700.000 đồng;

Chia cho bà Dương Thị E số tiền 85.700.000 đồng;

Chia cho bà Dương Thị Xam B3 số tiền 85.700.000 đồng;

Chia cho ông Dương Sam B4 số tiền 85.700.000 đồng (ông Bi đã chết năm 2022 có người thừa kế gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3).

2. Buộc ông Dương Sâm B1 có nghĩa vụ: Giao cho ông Dương S số tiền 21.425.000 đồng; giao cho ông Dương Kha L số tiền 21.425.000 đồng; giao cho các thừa kế của ông Dương Sam B4 gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương

Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3 (do anh Dương Văn M đại diện) số tiền 21.425.000 đồng.

Buộc bà Dương Thị Xa B2 có nghĩa vụ: Giao cho ông Dương S số tiền 21.425.000 đồng; giao cho ông Dương Kha L số tiền 21.425.000 đồng; giao cho các thừa kế của ông Dương Sam B4 gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3 (do anh Dương Văn M đại diện) số tiền 21.425.000 đồng.

Buộc bà Dương Thị E có nghĩa vụ: Giao cho ông Dương S số tiền 21.425.000 đồng; giao cho ông Dương Kha L số tiền 11.425.000 đồng; giao cho các thừa kế của ông Dương Sam B4 gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3 (do anh Dương Văn M đại diện) số tiền 21.425.000 đồng.

Buộc bà Dương Thị Xam B3 có nghĩa vụ: Giao cho ông Dương S số tiền 21.425.000 đồng; giao cho ông Dương Kha L số tiền 21.425.000 đồng; giao cho các thừa kế của ông Dương Sam B4 gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3 (do anh Dương Văn M đại diện) số tiền 21.425.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương S, ông Dương Kha L, ông Dương Sâm B1, bà Dương Thị Xa B2, bà Dương Thị E được miễn toàn bộ;

Bà Dương Thị Xam B3 có nghĩa vụ chịu 4.285.000 đồng;

Các thừa kế của ông Dương Sam B4 gồm Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị M, Dương Thị Si M2, Dương Thị Si N, Dương Thị Si M3 có nghĩa vụ cùng chịu 4.285.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**Trần Thị Kim Nhân**